

80 Pim
INDO-CHINOIS

2245

le 13 Mai 1933
100 exemplaires

GIÁ : 0\$10

CHUYÊN VUI

PAR

HUỲNH-KHẮC-TRƯỜNG

MYTHO

15 Mai 1933
5.

18588

CUỐN THỨ NHÌ

TOUS DROITS RÉSERVÉS



1933

— In tại nhà in BUI-VĂN-NHÂN —

BENTRE

1880

NEW YORK

SMITHSONIAN INSTITUTION

1880

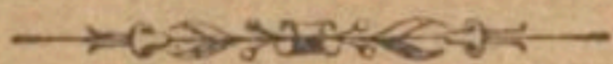
WASHINGTON

1880

1880

CHUYỆN VUI

CUỐN THỨ NHÌ



Tích Tân-Lang

1888

Thuở xưa không rõ là đời vua Hùng-Vương thứ mấy, có hai anh em sanh đôi, giống nhau như hệt, lại đi-đứng không rời, vì thương-yêu nhau lắm.

Người anh đi hỏi vợ, là con gái ông nhà giàu kia. Người em cũng đi theo anh, mà bởi không phân-biệt đặng ai anh ai em, nên cha vợ lúc dọn cơm thì dạy đem có một đôi đũa. Theo phép em phải nhường anh, nên thấy em so đũa đưa thì biết. Khi cưới rồi, anh-em cũng tới-lui thăm-viếng luôn. Bữa kia, hai anh-em đi chơi, người anh còn ở sau, em về trước. Chị dâu lắm, tưởng là chồng, nên ở cách thân-thiết như chồng vậy. Người em thấy thế không yên, nghĩ rằng: nếu mình ở thì chị dâu lắm mặt, sau e khó lòng, nên bỏ ra đi. Đi bơ-vơ tới chỗ kia, bị dải nắng dầm sương phát bệnh đau chết nơi đường. Chủ nhà gần đó động-lòng thương đem chôn dựa bên lộ.

Người anh về hỏi lại mất em, buồn ra đi tìm. Đi cùng khắp rồi cũng tới chỗ đó, mệt ngồi xề bên

8° piece
2245

đường. Người trong cái nhà đã làm phước chôn người em khi trước, thấy thì lấy làm lạ, nghĩ rằng: «Mẽ! Người mình đã chôn sao nay sống lại ngồi đó?» Liền hỏi thì Tân-Lang mới thuật sự-tích mất em. Người chôn mới chỉ cái mả mà nói rằng: «Có người giống in vậy chết chôn đó.» Người anh biết là em mình, thì ôm mỗ lặn khóc thảm-thiết. Thờ-thần đó ít ngày cũng nhuốm bệnh mà chết. Người kia cũng đào chôn một bên.

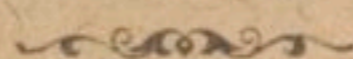
Người vợ ở nhà, trông-đợi chồng không thấy về, cũng bỏ nhà đi kiếm. Đi quanh-lộn mỗi-mê, nhiệm sương-nắng rồi cũng mang bệnh đến đó mà chết. Người nọ cũng chôn kề hai cái mả kia, sau thành mả vôi.

Còn tại mả người anh mọc lên một cây cau, nơi mả người vợ mọc lên một dây trầu leo lên cây cau.

Bữa kia vua Hùng-vương đi ngang qua đó, ngó thấy cau có trái, truyền quân hái coi thử, cắn nhai nó chát-chát, hái lá trầu nhai vô cay-cay bớt chát đi, nhờ nước ra nơi mả vôi nó lại đỏ lên. Liền lấy miếng cau, lá trầu với chút vôi nhai làm một với nhau nó đỏ môi. Từ đó mới có tục ăn trầu.

Lại khi làm lễ cưới-gả, thì dùng trầu-cau (mâm-lộc) để mà chỉ tình-nghĩa lòng thương-yêu vợ-chồng phải ở với nhau, nương nhau, như trầu leo cau vậy.

Văn uyển



Đầu Thầy Chừa

(THƠ CỔNG-QUINH)

Chuông-mỗ nhà ai khéo mĩa-mai?
Giống hình khoai ngọt khác hai tai.
Muốn kêu dưa-hấu hèm không cưỡng;
Muốn gọi bình-vôi ngặt thiếu quai.
Khỉ ngõ sọ dừa lăn-lóc cạp;
Trẻ ngờ trái bưởi khóc-la đòi.
Rằng không phải gạo Quỳnh xin cuộc,
Hút thuốc mà coi cán hãn-hời.



Cái dương-vật

(THƠ XƯA)

Ngóc đầu từng lướt chốn cung son,
Cắm giận thay đời tiếng gọi con.
Vương-bá cậy tài nên vóc-giạc;
Quan-dân nhờ sức đặng vuông-tròn.
Xông đồn lắm lúc đao nào mẽ?
Đột lũy ghe phen giáo chẳng mòn.
Ở khách má-hồng ai cũng thế,
Vẹn-gìn chớ để thẹn sông-non.

Cái âm-hộ

(THƠ XƯA)

Tượng mắng người đồn gấm quá thô,
Đố ai cho khỏi dứt đầu vô?
Trong vòng khép lại nhiều vương-tướng;
Ngoài ngõ chun ra hiếm cống-đồ.
Ai dẫu có tình đành dựa thế;
Người mà không lẽ dễ gần mô?
Giúp đời có thưở tuông mây-móc,
Cây-cỏ nhờ hơi nắng chẳng khô.

Vè đánh bạc

Nghe vè nghe ve, nghe vè đánh bạc;
Đầu hôm xao-xác, bạc tốt như tiên;
Khuya lại không tiền, mặt như chim cú,
Cái đầu sụ-sụ con mắt trộm lơ,
Hình đi phát-phơ, như con chó đói,
Chơn đi cà-khởi, dạo xóm dạo làng,
Quần rách lang-thang, lấy tay mà túm...

Vè chín vợ

Vợ thứ nhất thì queo hai tay,
Vợ thứ nhì vá-may không biết,
Vợ thứ ba đi biệt bỏ nhà,
Vợ thứ tư đau đả trời chết,
Vợ thứ năm phá hết gia-tài,

Vợ thứ sáu mê bài quá độc,
Vợ thứ bảy ghẻ-chốc đầy mình,
Vợ thứ tám thất-kinh chạy quấy,
Vợ thứ chín khi ấy để tắm,
Để một lứa đầu năm, kiến ăn hết trọn!

Nói ngược

Chuồn-chuồn hay cắn,	Mạnh cắn thì bò;
Chó đậu hàng rào;	Chim sâu thì to,
Chim nháy xuống ao,	Voi kia nhỏ-xít;
Cá bay lên núi;	Tron-tru trái mít,
Những quân hàng túi,	Gai-gốc trái dứa;
Đựng trâu bằng gờ;	Đắng ghét trái dứa,
Sông kia có bờ,	Bòn-hòn thì ngọt;
Ruộng nọ lai-láng;	Hương-hoa thì xót,
Thầy-bói thì sáng,	Nước cà thì thơm;
Tối nữa thì đèn;	Người nằm đóng rơm,
Bấm miệng loa kèn,	Để giường cho chó;
Trớt miệng bầu lọ;	Quan sang thì khó,
Mạnh cây thì chó,	Thất nghiệp thì giàu.

Không phải bán nam bán nữ

Thuở xưa có nàng con gái ai chọc cũng không
đặng, họ mới đồn phao nàng là bán nam bán nữ,
nàng tức-mình lắm. Gần nhà có một ông đồ biết
vậy, mới làm bài sau này:

TỰ-TÌNH RẰNG :

Khi canh-cửi lúc ngồi thong-thả,
Gẫm sự đời buồn-bã gớm-ghê.
Âm-dương lấy đẩy mà suy;
Côn-trùng còn có, hưởng chi là người.
Nghe rát tai trăm lời ngàn chuyện,
Khéo đem vào nói đến những câu.

THƠ RẰNG :

Chém cha cái số má-hồng châu,
Nghĩ đến càng thêm lăm nôi sâu;
Dệt cử quặng đi còn có lẽ,
Gieo thoi ném lại nghĩ không đâu.

GỚM THAY !

Gan người dạ thể, sâu khôn biết !
Bảo nhau rằng: “Tit-tịt có chi !”
Tai thấp-thoáng, dạ hồ-nghi,
Nghĩ hoài chẳng biết cái gì mọc đây ?
Khi thong-thả mặt day ngó lại,
Lúc thanh-nhàn tay gãi thử xem;
Rành-rành mũi mít đôi bên,
Ngọc-ngà trong-trắng ở miền hạ-thôn.
Cỏ rêu mọc xanh um cửa tía,
Lá cờ bay đỏ khé sông đào.
Môi dày miệng rộng trán cao,
Đủ đồ tướng-pháp anh-hào nghi-dung,
Ấy rõ thật là vông rày-rạy,

Rằng hương-nhân dầu thấy cũng mê.

Há như lá trúc lá tre?

Mà cười, mà nhăm, mà đè, mà hun.

Ấy có đồ chững-chàng là thế,

Mà người-ta oé-hoẹ rằng không.

Nin thì tức, nói thẹn-thùng,

Phải đồ bán chợ mà hồng phô-trương;

Mà đại-đề như phượng tơ-kén,

Mà vén màn bày-biện đồ ra.

Đề trình những khách gần-xa,

Thử xem cho biết rằng là có không?

Nhưng mà lại vào dòng quý-tướng,

Bộ râu xồm quai nón phát-phơ.

Màn quần che kín sớm-trưa,

Tuyết-sương chẳng quản, nắng-mưa chẳng

Hoặc có lúc hờ-hình khuya-sớm, [ghinh.

Hoặc vào đường ong-bướm mới hay.

Ví mà đem để sánh bày,

Thất-kinh vía quỉ, xa bay hồn phàm.

Nhơn nay buổi thanh-nhàn phần chí,

Quyết mời anh phù-thủy chiêu hồn.

Đề mà phán-bảo ôn tồn,

Khuyên ai rằng có lại đồn rằng không.

Quyết gan đọi anh-hùng cát-sĩ,

Lúc bảy-giờ sẽ hé phòng thâu.

Thiếp nay giải kể tình đầu,

Không-không có-có mặc dầu miệng ai,

Anh-tài ới-hỡi anh-tài!

Thơ trực-trặc

Trực-trặc! Hai tay cầm bốn củ lang,
Nói láo với nàng để mai sẽ nường.
Cực chẳng đã ra thân đi mượn.
Năm sáu quan tiền vui-sướng chi đó?
Gió đưa trăng thì trăng đưa gió,
Anh thương nàng thì nàng thương lại.
Cực đôi năm xin em đừng ngại,
Để anh về giả đại qua ải.
Đất Sài-gòn anh còn từng-trái,
Đem em về bọm-bãi anh ghét.
Tấm lá buôn che luôn lòng vét,
Đem em về Sa-đéc buôn-bán.
Gái hữu duyên như tiền điếu sáng,
Trai có quyền như liễn dán ngoài chợ.
Thúng lủng tròn khó bung khó bọ,
Tới đất này bọ-ngợ ở chị,
Chú lái ôi! chú đừng rơi lụy,
Mảnh con trăng này gả chị cho chệc.
Mắt ốc-buru làm cho sợ-sệt,
Miệng hỏa-lò ăn hết cơ-nghiệp.
Tan hồi tan, tan rồi lại hiệp,
Biết bao giờ lớn kịp theo chú?
Đôi theo anh coi nam-thanh nữ-tú,
Ở chi đất này vượn hú chim rú?
Đó có đôi ăn rồi lại ngủ,
Đây một mình thức đủ tới sáng.

Câu Đối

Xin làm rể

Ông Vương-Toán nhà nghèo, học giỏi; thấy con gái quan Đô-húy Bạch-Lạc đi ngang qua, thì về nói với mẹ xin đi hỏi nàng ấy cho mình. Bà mẹ đến nơi sợ quá, lấp-ló ngoài dinh, lính bắt vào quan, bà mẹ phải thừa thiệt. Quan mới cho kêu ông Toán đến, ra câu đối rằng:

Trai họ Vương 王 đầu đội nón trúc 竹 tuổi hai mươi 廿 hà túc toán dã 筭 (câu này chắp chữ *vương* chữ *trúc* và chữ *chấp* là *hai mươi*, thành chữ “Vương-Toán là tên ông” 王筭)

Ông Toán đối rằng:

Gái họ Bạch 白 lưng thắt dây tơ 絲 tuổi mười tám 十八 bắt diệp lạc hồ 樂 (Câu này chắp chữ *bạch* chữ *ty* chữ *thập-bát*, thành chữ Bạch-Lạc là tên quan ấy 白樂)

Quan Đô-húy thấy hay chữ muốn gả con, mà tiểu-thơ đứng trong rèm nghe, không chịu, chê đồ quần manh áo rách. Ông Toán nghe bèn nói chằm-hằm rằng: «Khinh người dẫu thế, thương nhau thì hết.» Tiểu-thơ nghe tiếng đáp lại một giọt rằng: «Thương cha, thương mẹ, thương vợ, thương chồng, thương con, thương cái nhà này, ai khiến này thương ta?»

Quan Đô-húy thấy vậy, vịn ngay lấy lời con thốt, mà bảo ông Toán rằng: Ấy là nó ra đề cho mày đó, hễ làm được một bài thơ như vậy, thì tao bắt nó phải ưng. Đề ấy là : *Thương cha, thương mẹ, thương vợ, thương chồng, thương con, thương cái.*

Ông Toán liền làm ngay rằng :

Hả dám thương đâu phận má-hồng?

Thương vì một nỗi đề phòng không.

Thương con quốc rử kêu mùa hạ,

Thương cái bèo trôi giạt bể đông.

Thương vợ-chồng Ngâu duyên chéch-mắc,

Thương cha-mẹ nhện số long-đong.

Thấy người thanh-lich mà thương thế;

Hả dám thương đâu phận má-hồng?

Quan Đô-húy phải gả, tiểu-thơ thấy hay chữ cũng bằng lòng, sau ông Toán thi đỗ làm quan to.

TẨM TÂY HỒ

Theo phép hễ mỗi khi vua ngự qua phố, thì nhà-nhà phải đóng cửa, người-người thảy nép đầu, không dặng nhìn xe vua. Khi đức Minh-Mạng ngự ra hồ Tây chơi, đao-thương sáng hoắc, tàn-lọng lợp trời. Ông Cao-bá-Quát lúc đó mới 6, 7, tuổi, đang đi đàng trước, nghe quân nạt biểu tránh, ông liền chạy xuống mé hồ, cỡi áo-quần, đứng xem xe vua đi, xem

mãn-nhân rồi nhảy xuống hồ, ló mặt lên ngang mặt nước, thở bong-bóng chơi. Vua thấy sai bắt dẫn lại, tay bị trói. Ông Quát cứ điềm-nhiên, trần-trồng đi đến trước mặt vua. Vua hỏi thì ông nói là học-trò, vì trời nực nên ra tắm mát. Lúc đó vua thấy dưới hồ có con cá lớn rượt con cá nhỏ, vua liền ra một câu biểu ông đối đặng thì tha.

Vua ra rằng : **Nước trong lẻo-lẻo cá nuốt cá,**
Ông đối ngay : **Trời nắng chan-chan người trói người.**

Vua tha và khen thưởng.

Dán nhà thợ nhuộm

Ông Quát viết giùm câu đối dán nhà thợ-nhuộm như vậy :

Thiên-hạ thanh huỳnh giai ngả tử,
Triều-đình châu tử tông ngô gia.

THÍCH NÔM :

Xanh vàng thiên-hạ đều tay tớ,
Đỏ tia triều-đình bởi cửa ta.

Bị cùm

Khi ông Quát làm giặc bị bắt, ngồi trong ngục có ngâm hai câu rằng :

Một chiếc cùm lim chơn có đẽ,
Ba vòng dây sắt bước thì vương.

Chết vẫn còn thơ

Khi đem ông Cao-bá-Quát ra chém, ba hồi trống đánh xong, gấn hạ-thủ, ông còn ngâm hai câu chơi, chẳng biết sợ chết là gì, thiết đáng mặt anh-hùng. Chừng chém rồi có chỉ vua ân-xá, song việc đã xong rồi. Hai câu ngâm rằng:

Ba hồi trống giục mồ cha kiếp,
Một lát gươm đưa bỏ mẹ đời!

Trung thu

Trong năm chỉ có rằm tháng tám là tiết Trung-thu thì trăng tỏ hơn hết (Thu nguyệt dương minh huy).

Thấy trăng tốt, người Tàu hay tụ nhau lại mà chơi trăng, lâu đời thành lệ thì hóa ra một ngày lễ lớn.

Lại cũng như có tích đời nhà Đường vua Minh-hoàng thấy Trung-thu trăng tỏ-rạng thì ước rằng: “Phải chi có phép gì lên đặng đó mà chơi.» Thấy đạo-sĩ La-công-Viễn tâu rằng: «Được, mà không phép dắc nhiều người, phải lựa một người có nhưn có đức đem theo mà thôi.» Vua chọn trong cung đặng một người.

Thầy ấy lấy cây gậy thầy cầm nơi tay, dõ lên trên không một cái, nó liền hóa ra cái cầu lớn, thầy ấy bước lên, giơ tay dắc vua theo. Đi cùng

cái cầu ấy, thì tới cái cửa lớn, trong ấy có lầu-đài nguy-nga lắm. Đó là cung trăng.

Bước vô cửa rồi, thầy La-công-Viễn nắm cái đầu cầu dựng lên thì trở ra cây gậy như trước; rồi đem vua vào lầu, thấy có nhiều con gái xinh-đẹp, mặc áo-xiêm tốt-lạ dị-kỳ, múa-hát cung-cách hay lắm. Cách múa đó kêu là **Nghê-thường-võ-y** (Xiêm mỏng áo lông)

Vua xem khúc ấy thì say-mê, coi đâu nhớ đó, để sau về bắt-chước. Khi trời gần sáng, thầy La-công-Viễn tâu vua xin về kéo quá giờ, không dặng ở đó nữa. Tới cửa cung, thầy ấy cầm gậy buông xuống thì hóa ra cầu mà đi về.

Bữa sau, vua dạy may áo-xiêm như vua đã ngó thấy, chọn con gái lịch-sự, tốt tiếng, mà dạy nó múa-hát theo khúc “Nghê thường võ y”, lại truyền cất lầu y theo như kiểu cung trăng. Đến chừng tập-luyện thành-thục rồi, vua mời thầy La-công-Viễn vào xem thì lấy làm lạ và khen vua rất có trí.

Lại ngày ấy nhà nào cũng mua cho dặng bưởi và khoai-môn mà chưng. Ấy bởi tích đời nhà Hán vua Quang-võ là Lưu-Tú bị giặc vây trong thành kia, lương hết binh đói. Vua đặt bàn vọng-thiên khẩn-vái với trời, trời mới cho đất trong thành mọc ra khoai-môn nhiều lắm. Quân lính đào nấu ăn, mà ăn lâu ngày nó sanh ra chứng sinh bụng. Vua lại van-vái nữa, thì trời cho nhiều trái bưởi

trên cây, ăn nó tiêu-trừ chứng ich-bụng. Khi khấn-vái đó, cũng nhằm ngày rằm tháng tám, nên mới có tục chưng bưởi và khoai-môn như vậy. Ngày ấy người Tàu hay làm bánh “Trung-thu nguyệt-bĩnh” mà làm của lễ đem cho nhau.

Ngoài Bắc cũng hay ăn ngày lễ ấy, làm đèn hình cá tôm cho con nít cầm đi chơi ban đêm. Còn ở nhà thì làm đèn máy chạy quân, dọn cỗ-bàn chưng ra ăn-uống vui-chơi cả đêm.

LỄ ĐOAN-NGŨ

Ngày mồng năm tháng năm, là ngày lễ giữa năm, như ngày tết thứ nhì vậy, chữ kêu là: ĐOAN-DƯƠNG, ĐOAN-NGŨ, TRÙNG-NGŨ. Nguyên tích như vậy:

Ông Khuất-Nguyên, dòng tông-thất, là quan trung-thần phò vua Hoài-vương nước Sở, đời Đông-châu; ông thấy vua hay tin bọn người Thượng là quân nịnh-thần, thì dùng lời thẳng như mực tàu, đấng như thuốc bắc, mà gián vua; song vua không nghe, chỉ ưa lũ nịnh ấy, vì nó dùng những tiếng kèn tiếng quyền, vẽ-vời thêu-dệt, êm tai đẹp ý vua. Bởi vậy, hễ vua càng yêu-dùng nó chừng nào, thì ông Khuất-Nguyên càng xa-cách vua chừng nấy. Có câu nói: **Chính trực nan thân, siểm du dị hạnh**, nghĩa là: Lời ngay-thẳng khó thân-cận, lời dua-nịnh dễ gần-gũi, là vậy đó.

Vua sợ rầy, bèn sai ông ấy đi làm quan Thái-thú

đặt Trường-Sa (Giang-nam) cho xa vua.

Ông Khuất-Nguyên giỏi văn-chương, nên làm nhiều bài tĩ-đạ hay lắm, có ý cho vua cảm-động mà chừa-cải. Sách ấy kêu là: “Lý-tao-kinh”, kể những sự thương vua tiếc nước một cách thâm-thiết lắm, cho nên có lời nói rằng: «Ai đọc sách “Lý-tao”, mà không chảy nước-mắt ra, thì người ấy là kẻ bất-trung ngay.» Nhưng mà vua Hoài-vương là người ngu-mụi dốt-nát, lại thêm lời êm tai đẹp dạ của bọn dua-nịnh dõ-dành, cho nên dầu văn ông Khuất-Nguyên hay bực nào đi nữa, mà đọc cho vua nghe, thì cũng như đờn khảy tai trâu, nước xao dầu vịt vậy.

Đến khi ông ấy thấy rõ vua đã đành lòng đành dạ nghe nịnh mà quên mình, thì rầu-rĩ đi thơ-thần theo mé sông Cốt-la, và đi và hát cho hết các bài, rồi lấy đá cột cổ, gieo mình xuống sông mà chết, thì nhằm ngày mồng năm tháng năm.

Thiên-hạ thương-tiếc ông trung-nghĩa, nên hễ tới ngày ấy, thì làm thuyền rồng mà đưa, nghĩa là làm «việc-vớt» cho ông. Mà khi ban đầu quăng bánh xuống sông, thì thường có cá rần nó lại nó hớp đi, nên lần lần bày ra làm bánh ú gói bằng nếp ngũ-sắc, có góc, có khóe, có cạnh, lấy chỉ ngũ-sắc buộc ngoài, có ý cho cá rần thấy rần-rực mà sợ, không dám táp nuốt hồn đi. Sau vì ở xa sông Cốt-la, thì làm bánh ú mà cúng thôi, cột mỗi xâu một trăm bánh, để đem cho nhau ngày ấy.

Tục lại đến ngày đó, người-ta hay đi hái lá cây lá cỏ hồi chính ngọ, đem về phơi làm «Ngọ-thời-trà» để uống cho nên thuốc. Lại kẻ hay nhắm mắt, đứng bóng ngày ấy ra ngó mặt-trời, thì nội năm không nhắm mắt.

Tùng lộc

Những đồ vẽ, thêu, chạm, người-ta hay dùng kiểu tùng-lộc, là con nai con hươu đứng dưới gốc cây tùng. Ấy là kiểu chúc thọ, vì cây tùng là “thiên niên tung túy, long đông bất điều” nghĩa là “ngàn năm tốt xanh, thanh đông chẳng rụng”. Sách Tàu có nói trăm năm thành “phục-linh,” ngàn năm thành “hồ-phách”.

Còn con hươu con nai cũng sống lâu, sừng-gạc già rồi giũ đi mọc lại. Sách Thuật-dị-kí nói: ngàn tuổi rồi nó ra xanh, thêm năm trăm năm nữa nó hóa ra trắng, thêm năm trăm năm nữa lại hóa đen. Đời vua Thành-đế nhà Hán, có người ở núi được con hươu đen, nấu ra thì xương nó đều đen cả, thịt lấy làm nem, ăn sống đặng 2000 tuổi. Lộc-nhung lại là vị thuốc bổ khí, bổ huyết, tráng dương, v.v.

Về chữ xuân-huyên

Hai chữ “Xuân-Huyên” 椿萱 để chỉ cha mẹ, mà người-ta thường đọc “Thung-huyên” là sai, vì nếu đọc “thung” thì chỉ nghĩa là cái nọc, là đống,

là già; còn đọc “xuân” thì chỉ là cây “xuân”, có ý chúc cho cha sống lâu.

Bởi trong “Tự-diễn” giải rằng: Ông Trang-tử nói trong núi có cây xuân lớn 8000 năm làm một “xuân”, 8000 năm làm một “thu”.

Vài chuyện tiêu-lâm

Ngải mê

Lão thầy kia hay gạt người mà cho chuộc ngải mê, để bún đờn-bà con gái? Nhắm lúc lão đi khỏi, có tên nọ bánh trai đến chuộc ngải, rồi lấy ngải đó bún vợ lão thầy. Vợ lão thầy liền đi theo tên ấy. Đến khi trở về, thì lão trách rằng: «Sao mày thuận đi theo nó?» Vợ nói: “Tôi thuận theo ngải linh chớ! Nếu không làm như vậy, thì họ chê thuốc ta không hiệu-nghiệm.”

Rề là tiên-tổ

Thằng khờ kia đi làm rề. Trước khi đi nó hỏi cha nó: “Đến đó phải ngồi đâu?” Cha nó nói: “Chẳng nên ngồi một chỗ với cha-mẹ eùng cô-bác bên vợ, phải lựa chỗ nào không ai ngồi mà ngồi, vậy mới phải đạo rề con.”

Anh-ta đến nhà cha-mẹ vợ, ngó quanh-quất thấy mỗi chỗ đều có người ngồi, duy có bàn thờ không

ai, bèn nhảy phóc lên đó ngồi tự-nhược. Cha vợ nó day lại ngó thấy vùng la rằng: “Mầy là tiên-tổ tao, chớ không phải rề! Thôi tiên-tổ đi về cho rảnh!» Bèn đá đít anh-ta.

Lộn hồn

Thằng cha kia hay lộn hồn. Bữa nọ vác mác vào rừng đốn tre. Vừa đến nơi thì đau bụng. Nó quăng mác xuống đất, ngồi lổm đó mà xuất cung. Xong rồi đứng dậy vận quần, ngó thấy đám tre, liền nói: “Cha! Tre tốt dữ! Phải chi có mác mình đốn ít cây!! Vận quần rồi, ngó xuống đất thấy cái mác, vùng nói: “May a! buồn ngủ lại gặp chiếu manh! Xi được cái mác ai bỏ đây!” Cúi xuống lấy cái mác, rồi đứng dậy đi, vô ý, đập nhằm bãi cứt của nó. Nghe cái gì chèm-nhep dưới chơn, ngó xuống coi, thấy vậy giận, vụt chưởi: “Đéo mẹ! ai ỷa bậy!»

Đoạn đốn tre vác về, quên nhà, đi qua đi lại trước cửa, không dám vô. Vợ nó thấy bộ kì-dị, giận ra hỏi: “Điên hay sao? mà đến nhà không vô?” Nó nhìn sững và nói: «Mẻ! Thiếm nầy tôi nhớ mặt có quen thì phải! Chuyện chi mà mắng tôi dữ vậy?»

Tôm - tit

Thằng nhỏ kia bắt đặng con tôm-tít, nó bỏ vào cái tô nước, lấy ngón tay chặn đằng đầu, con tôm-tít thực lui; nó chặn đằng đuôi, con tôm đi tới. Nó

lấy làm lạ kêu ông nó mà hỏi rằng:

Ông ơi! Con này đầu nó tại đâu?

Ông nó nói:

Cái thẳng đại hoài! Có râu thì khúc đầu, không râu thì khúc dit!!

Chẳng vị giàu

Anh nhà giàu kia hỏi người nhà nghèo rằng: «Ta giàu bạc ngàn, còn mi nghèo mặt, sao mi không kính-trọng ta?».

— Người nghèo nói: «Mi giàu thì mi ăn, mặc-mở chi mà ta phải kính-trọng nữa kia!»

— Anh nhà giàu hỏi: «Ta chia hai cho mi năm trăm đồng bạc, mi kính-trọng ta chẳng?»

— Người nghèo nói: «Ta năm trăm đồng cũng bằng mi, có đáng gì mà phải kính-trọng?»

— Anh nhà giàu hỏi: «Thôi, ta cho mi hết một ngàn đồng, mi kính-trọng ta chẳng?»

— Người nghèo cười rằng: «Mi mất một ngàn, còn taặng một ngàn, mi kính-trọng ta mới phải chớ!»

Cẩn rắng mà chịu

Mẹ chồng già, nàng dâu trẻ, đều góa chồng. Khi ấy mẹ chồng nói với nàng dâu rằng: «Không dè nhà này mẹ con mình rủi-ro quá! Song phải cẩn rắng mà chịu cho qua ngày, mới gọi là tiết-hạnh».

Không bao lâu, mẹ chồng tư-tình với chúng, con dâu nhắc lời cũ mà hỏi: « Sao mẹ xuất hồ phản hồ? Bấy lâu mẹ dặn cẩn răng mà chịu với nhau, bây giờ mẹ không nhớ lời ấy!» Bà giận há hoác miệng, rồi nói lớn rằng: « Ấy là nói phận mi, chớ ta còn răng ở đâu hông cẩn mà chịu, hử? »

Chép văn tế cũ

Anh chủ nhà kia dốt-nát, rước thầy về dạy con, mà thầy cũng ít chữ quá, nhờ một tập đồ nôi mà thôi! Đến khi bà mẹ vợ anh chủ nhà mần phần, chủ nhà cậy thầy đặt giùm văn-tế. Thầy dở tập đồ nôi ra, chép lộn nhằm văn-tế cha vợ! Chừng anh chủ đem lễ qua tế, học-trò lễ đọc văn, nghe ra bậy hết! Ông gia ảnh nổi giận mắng rằng: « Thằng mù lại rước thầy đui! mẹ vợ chết mà đặt văn-tế sống cha vợ! Đi về cho rảnh! ở đó mà trừ ai?» Anh nọ mất-cổ, tức-minh về mắng thầy: sao có chép lộn! Thầy giận đỏ mặt, xách tập đồ nôi, dở ra chỉ và nói rằng: « Ông coi đó mà coi, tôi chép không sai một chữ! Ấy là tại chết lộn, chớ tôi có chép lộn, ở mô!»

Tiếng nói giải nghĩa

Bất-trắc: Không có lường được.

Bứt-trắc: Vứt-chạc gập-ghềnh.

Bất-tử: Chẳng chết; làm ngang đi chẳng kể chết là gì; làm liều mạng, dầu có ra làm sao thì cũng chẳng lo. Lại chỉ nghĩa: vụt ra làm chẳng nghĩ trước sau.

Tử-tế: Nhiệm-nhật, nhỏ-bé, chín-chắn vì dầu nhỏ-nhật cũng chẳng sót chỗ nào.

Kì-khu: Gặp-ghềnh. Khó-nhọc lặn-lội, nên hay nói KÌ-KHU CHÍ-THỨ là dầu gặp-ghềnh cũng vui chí, chỉ bền-đỗ, dầu khó cũng không nao.

Cừ-khôi: Dầu giọc, chỉ là đầu-đảng, cang-đảm, cự-dịch. Bởi đó mà tiếng tục hay nói: KÌ-KHÔI là hay cự lại, hay chống-chỏi, trì-mò.

Tứ-chiêng: Chỉ là bốn phía, tư-bề. Nói dân tứ-chiêng nghĩa là tứ hướng nhập lại.

Mất-lòng (chữ: Thất-nhơn-tâm) là mất cái lòng người-ta nguyên có với mình. **MÉCH-LÒNG** (chữ: Khuy-tâm) là cái lòng bớt đi, thiếu đi, không đặng bằng-bặn như xưa.

Giả đại qua ải: là chỉ hoặc có hiểm-nghèo thì phải dùng mưu chí cho qua khỏi; hoặc có đều ức-tức, mà mình nghĩ dầu có đối-chất trả lại cũng chẳng ích chi, làm thỉnh bỏ qua cho xong cho rồi. Bởi tích ông Cơ-Tử thấy ông Tử-Can vì can vua Trụ mà phải bị giết, nên giả đại đi làm tôi-mọi chúng cho khỏi nạn (Dương cường vi nô).

Qua-ải: Bởi tích KÊ MINH QUÁ QUAN, là tích ông Mạnh-thường-Quân nuôi khách nhiều, đến lúc bị

tội, trốn ra cửa ải, chạy tới đó còn khuya, nhờ có anh khách biết giả tiếng gà gáy, gáy lên thì ải mở cửa, mới thoát ra khỏi đặng (Phép nhà Tần hễ gà gáy mới mở cửa ải).

Câu chữ quen dùng

(Tiếp theo)

Bán đồ nhi phế; nhĩ hà nhứt thể.
Tam niên thành lệ; tân quan tân chế.
Huynh đệ uich vu tường; kì phụ nhương dương,
nhi tử chứng chi;
Lòng mầu xuất long nhi; nhứt chứng phi, nhi
chứng quả.
Bỉ ngã vô thù; tiêu đầu lạn ngạch.
Thúc thủ vô sách; an như bàn thạch.
Vô sư vô sách; vô mạch tắc chỉ.
Sự dĩ an bài; tài cao trí túc.
Kỉ sở bất dục, vật thi ư nhơn.
Cận sơn thức điều, cận thủy tri ngư.
Đa thơ loạn tâm; phụ tử tình thâm.
Tửu nhập tâm như hồ nhập lâm.
Vô tâm vô trí; nam nhơn chi chi.
Hải hà chi lượng; phu xướng phụ tùy.
Sanh kì tử qui; châu nhi phục tử.
Ái nhơn như ái kỉ; trắc dị phòng nan.
Tri gian bất tổ; tứ cố vô thân.
Tiền tài phá nhơn ngãi, kim ngân phá luật lệ.

Cùng vô sở xuất; phước bất trùng lai;
Họa vô đơn chí; kiến bất thủ nhi tầm thiên lý.
Phú qui như phù vân; thuận dân sở hỉ.
Ngã vi ngã nhĩ vi nhĩ; tự thỉ chí chung.
Hữu lao vô công; tận trung tận hiếu.
Ngôn thiếu tri đa; quốc gia hữu sự.
Khứ bất ly xứ; lao tâm tiêu tứ.
Hỗ phụ sanh hồ tử; phi kì phận sự.
Khẩu phân khẩu xử; hữu sanh hữu tử.
Vô nam dụng nữ, vô tử dụng tôn.
Đa ngôn đa quá; bá hơn bá tánh.
Hữu thanh hữu suy; lão giả an chi.
Khẩu thị tâm phi; cư an lự nguy.
Dĩ chi thế chi; dĩ hư vi thiệt.
Dĩ thị vi phi; thiên nhi sử nhiên.
Thiên niên bất tuyệt; tha cầu biệt sự.
Truyền tử lưu tôn; năng ngôn nhi bất năng hành.
Hậu sanh khả úy; ần thủ ần vi.
Độc thơ cầu lý; phú quý đa hơn hội.
Bần cùng thân thích ly, tội qui vu trưởng.
Lệnh tại hồ thượng; hữu công tắc thưởng;
Hữu tội tắc trừng; ngôn dục trường phi.
Phú quý hữu lễ nghi, bần cùng khỉ đạo tâm.
Dĩ hòa vi quý; đáng lý bất dung.
Thỉ chung như nhứt; tận hơn lực nhi tri thiên
mạng.
Dưỡng hồ vi hoạn; sanh tử hữu mạng.

Phù quý tại thiên; nhưt nhưn truyền hử;
Vạn nhưn truyền thiết; tiền tài nhưn nghĩa tuyệt.
Bá nhưn bá thiết, khẩu thuyết vô bằng. (Còn nữa)

Loài vật khôn

Hạc múa

Có quan Thái-thú tên Triệu - Biện, nuôi một con hạc tập rất khôn, hiểu cả điệu âm-nhạc. Lúc rảnh, ông dạy đem cây đàn cầm của ông ra. Hễ thấy ông đốt lò hương trầm, thì con chim ấy đến trước chực sẵn, chờ tiếng đàn khảy mà đi bộ, giương đầu ngược cổ, búng cánh, nhún chơn, giọng cao thì cất cánh lên, giọng thấp thì hạ mình xuống, lượn qua lượn lại, múa tròn như quây, chẳng hề lạc một cung một điệu nào, coi rất đẹp mắt.

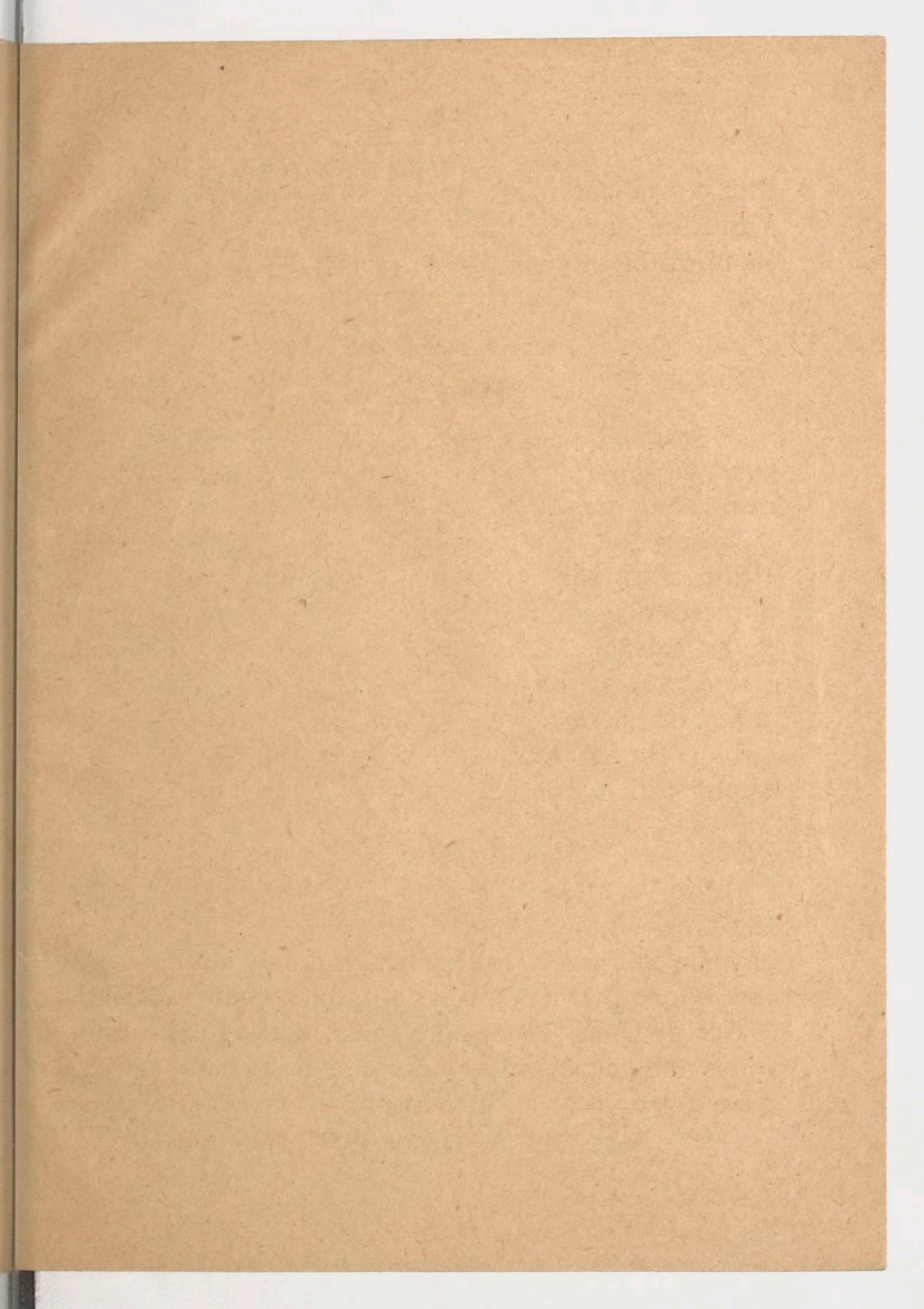
Ông xem nó như bạn tri-kỹ, chừng nó chết, ông không đàn nữa.

Ngựa nhớ đường

Nước Tề, chúa Hoàn-Công sai Quản-Trọng đi dẹp mọi Khuyển-nhung, lạc vào chỗ rừng rậm núi cao, cây che cỏ khuất, eo-hẹp đường chim, quanh-co lối thỏ, không biết ngả mà ra, lòng tam-quân xao-xiển.

Khi ấy Quản-Trọng nhớ rằng: loài ngựa có tánh quen đàn củ, liền dạy thả ngựa già ra trước, để tự ý nó đi, rồi quân cứ theo hướng ấy mà về, khỏi nạn.

(Cuốn thứ ba sẽ tiếp)



1891
The first year of the
1891-1892 season